

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC  
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 50

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Khắc Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Phạm Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên độc lập
Ông Phan Kim Khoa	Thành viên độc lập

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Phạm Hà	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm từ ngày 23/4/2021)
Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc (Thôi giữ chức từ ngày 01/4/2021)

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty năm 2021 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Phan Phạm Hà – chức danh Tổng Giám đốc.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Phan Phạm Hà**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31/3/2022, trình bày từ trang 7 đến trang 50 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2021, Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu khác ngắn hạn về các khoản hỗ trợ vốn cho các đơn vị thành viên đã quá hạn thanh toán: tổng số dư tại ngày 31/12/2021 là 606.904.351.408 đồng (bao gồm phải thu về lãi hỗ trợ là 74.571.904.729 đồng), tại ngày 01/01/2021 là 615.963.069.882 đồng (bao gồm phải thu về lãi hỗ trợ là 74.112.623.203 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu trên cũng như xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại thời điểm 31/12/2021, Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 223.935.974 đồng trong tổng giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển là 99.885.938.816 đồng (giá trị đã trích lập tại ngày 01/01/2021 là 720.443.191 đồng trong tổng số hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển là 112.752.983.232 đồng). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được trên một cách hợp lý, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để xác định giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập đầy đủ và thích hợp hay liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty hay không.

Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng suy giảm giá trị khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Toàn bộ (“Matexim”) theo các ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2021 của Matexim, trong đó bao gồm vấn đề ngoại trừ về các khoản chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xộp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn đang được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị 356.962.890.494 đồng.

Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng suy giảm giá trị khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (“VEAMTHD”) theo các ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2021 của VEAMTHD, trong đó bao gồm vấn đề ngoại trừ về các khoản công nợ phải thu quá hạn chưa trích lập dự phòng với giá trị là 42.420.879.784 đồng (trong đó các khoản công nợ quá hạn trên 3 năm là 37.797.232.426 đồng), giá trị hàng tồn kho tồn đọng với giá trị 16,4 tỷ đồng (chủ yếu là các hàng tồn kho phát sinh từ trước thời điểm Công ty mẹ Cổ phần hóa) chưa được xác định giá trị thuần có thể thực hiện được và xem xét trích lập dự phòng, chưa phân bổ hết đề tài “*Nâng cao chất lượng và cải tiến kiểu dáng các loại động cơ Diesel*” đã được quyết toán từ năm 2018 với giá trị còn lại là 7.586.392.806 đồng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó mô tả Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung đang tồn đọng, giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang có thể thay đổi phụ thuộc vào phán quyết của cơ quan có thẩm quyền trong tương lai.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng: cho đến ngày lập báo cáo tài chính này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt chính thức quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 10/4/2021 do: Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản hỗ trợ vốn cho các đơn vị thành viên (bao gồm vốn và lãi), chưa đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được đối với một số hàng tồn kho chậm luân chuyển, chưa đánh giá khả năng suy giảm khoản đầu tư vào Matexim. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, như mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” trên đây.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:

0798-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022*

**Nguyễn Văn Hải**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:

1395-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>15.686.369.179.284</b>	<b>17.822.382.945.897</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	141.194.953.752	116.011.356.174
Tiền	111		98.194.953.752	72.711.356.174
Các khoản tương đương tiền	112		43.000.000.000	43.300.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	16	11.166.763.990.944	12.532.939.564.088
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.166.763.990.944	12.532.939.564.088
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.427.899.439.412	4.242.222.626.169
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	360.162.284.391	354.586.269.255
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	195.961.500.933	196.468.478.568
Các khoản phải thu khác	136	8	3.260.179.873.147	4.077.231.166.030
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(398.787.749.498)	(396.770.833.404)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	15	10.383.530.439	10.707.545.720
Hàng tồn kho	140	10	877.851.877.223	858.086.185.678
Hàng tồn kho	141		1.278.026.560.531	1.321.407.915.037
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(400.174.683.308)	(463.321.729.359)
Tài sản ngắn hạn khác	150		72.658.917.953	73.123.213.788
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.290.705.121	1.457.787.106
Thuế GTGT được khấu trừ	152		71.130.308.330	71.545.166.711
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	237.904.502	120.259.971
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.807.152.309.103</b>	<b>4.032.292.558.106</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	817.500.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	817.500.000
Tài sản cố định	220		565.052.424.523	648.355.854.002
Tài sản cố định hữu hình	221	11	515.767.030.440	598.636.775.695
- Nguyên giá	222		1.372.860.073.177	1.372.256.284.306
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(857.093.042.737)	(773.619.508.611)
Tài sản cố định vô hình	227	12	49.285.394.083	49.719.078.307
- Nguyên giá	228		52.570.286.266	52.570.286.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.284.892.183)	(2.851.207.959)
Tài sản dở dang dài hạn	240		57.148.671.429	58.334.498.702
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	57.148.671.429	58.334.498.702
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	3.140.528.772.787	3.277.722.534.062
Đầu tư vào công ty con	251		2.656.119.550.877	2.791.819.550.877
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		707.098.071.180	707.098.071.180
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.001.060.828	11.001.060.828
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(233.689.910.098)	(232.196.148.823)
Tài sản dài hạn khác	260		44.422.440.364	47.062.171.340
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	44.422.440.364	47.062.171.340
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>19.493.521.488.387</b>	<b>21.854.675.504.003</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>197.368.638.648</b>	<b>1.278.890.011.133</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>196.768.638.648</b>	<b>1.278.890.011.133</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	20.957.837.400	14.221.143.005
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	6.730.186.993	6.129.453.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	27.808.841.338	42.965.376.673
Phải trả người lao động	314		25.495.418.087	22.375.157.508
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	15.697.150.914	16.272.669.712
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		45.454.548	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	44.110.290.585	1.123.538.940.125
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	2.825.319.200	6.252.334.567
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		53.098.139.583	47.134.936.193
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>600.000.000</b>	<b>-</b>
Phải trả dài hạn khác	337	20	600.000.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.296.152.849.739</b>	<b>20.575.785.492.870</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>19.296.190.804.796</b>	<b>20.575.222.668.518</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.008.190.804.796	7.287.222.668.518
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		73.991.977	29.349.997
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.008.116.812.819	7.287.193.318.521
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(37.955.057)</b>	<b>562.824.352</b>
Nguồn kinh phí	431		(37.955.057)	562.824.352
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>19.493.521.488.387</b>	<b>21.854.675.504.003</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022



**Đặng Quân**  
Người lập biểu





**Văn Đình Quân**  
Kế toán trưởng

**Phan Phạm Hà**  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	596.175.931.903	443.695.386.821
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	354.454.545	7.473.182
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		595.821.477.358	443.687.913.639
Giá vốn hàng bán	11	27	490.741.847.804	674.206.212.489
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105.079.629.554	(230.518.298.850)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	6.208.571.293.734	7.921.421.796.308
Chi phí tài chính	22	29	2.047.895.075	2.807.218.734
Chi phí bán hàng	25	30	17.624.539.508	10.970.310.027
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	155.041.089.706	208.182.533.341
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.138.937.398.999	7.468.943.435.356
Thu nhập khác	31	31	2.463.399.817	1.639.161.221
Chi phí khác	32	32	10.913.881.113	10.272.416.221
Lợi nhuận khác	40		(8.450.481.296)	(8.633.255.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.130.486.917.703	7.460.310.180.356
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	112.695.720.978	157.678.901.853
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.017.791.196.725	7.302.631.278.503

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đặng Quân  
Người lập biểu

Văn Đình Quân  
Kế toán trưởng



Phan Phạm Hà  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		6.130.486.917.703	7.460.310.180.356
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		86.858.711.297	90.402.434.115
Các khoản dự phòng	03		(63.063.384.049)	302.411.408.297
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		483.930.046	97.671.346
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(6.208.807.307.545)	(7.921.159.729.492)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		<i>(54.041.132.548)</i>	<i>(67.938.035.378)</i>
<i>Tăng giảm các khoản phải thu</i>				
Tăng giảm hàng tồn kho	09		5.334.051.405	45.879.117.830
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10		43.381.354.506	162.741.518.892
Tăng giảm chi phí trả trước	11		(853.267.039)	(4.551.650.071)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12		2.806.812.961	4.625.651.420
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(125.087.098.258)	(116.883.737.382)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.658.618.911	1.947.275.583
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(47.571.495.377)	(43.429.494.217)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>(174.372.155.439)</i>	<i>(17.609.353.323)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.369.454.545)	(3.429.595.347)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		927.272.727	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.088.376.400.342)	(12.660.589.752.371)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.454.551.973.486	10.799.984.814.269
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		135.700.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.747.013.107.468	8.011.273.945.415
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>8.247.446.498.794</i>	<i>6.147.239.411.966</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.047.996.001.146)	(11.335.513.205.618)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(8.047.996.001.146)</i>	<i>(11.335.513.205.618)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		<i>25.078.342.209</i>	<i>(5.205.883.146.975)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	116.011.356.174	5.321.927.564.095
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		105.255.369	(33.060.946)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	5	<b>141.194.953.752</b>	<b>116.011.356.174</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**Đặng Quân**  
Người lập biểu

**Văn Đình Quân**  
Kế toán trưởng



**Phan Phạm Hà**  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103866, đăng ký lần đầu ngày 6 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên thuộc Bộ Công Thương trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 5 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP; và Quyết định số 5029/QĐ-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP là 13.288.000.000.000 đồng, được chia thành 1.328.800.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng. Từ ngày 02 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán là VEA.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Lô D, Khu D1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung, các thiết bị hạ, bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén, máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ, máy tạo hình kim loại và máy luyện kim;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc sắt, đúc thép, đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu điện kim loại, thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác); Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn và hoạt động khoa học khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác; Khai thác quặng sắt, kim loại khác không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn một số hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh xe có động cơ, máy động lực và máy nông nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1.3 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tổng Công ty có 4 Chi nhánh trực thuộc bao gồm:

<b>TT</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Chế độ hạch toán</b>
1	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Số 90 - 92 Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc
2	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Chi nhánh Nghệ An	Số 284, đường Bình Minh phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.	Hạch toán phụ thuộc
3	Nhà máy Ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá.	Hạch toán độc lập
4	Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Nhà máy Đức	Lô B15, khu B, khu công nghiệp Hiệp Phước, đường Nguyễn Văn Tạo, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.	Hạch toán độc lập

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC  
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1.3 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021 chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con/ Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí, bơm thủy lực, bơm nước, dụng cụ, khuôn mẫu gá lắp
2	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	Thái Nguyên	51,00	51,00	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho các động cơ.
3	Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Thành phố Hà Nội	53,66	53,66	Vận tải hàng hóa đường bộ, sản xuất các sản phẩm cơ khí
4	Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Vận chuyển khách, vận tải hàng hoá
5	Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ (i)	Thành phố Hà Nội	51,00	51,99	Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác
6	Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Thái Nguyên	55,00	55,00	Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng cho xe có động cơ
7	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Sản xuất máy kéo, máy nông nghiệp
8	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Bắc Ninh	100,00	100,00	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Thái Nguyên	100,00	100,00	Sản xuất phụ tùng phục vụ các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp, bộ phận phụ trợ xe có động cơ
10	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	Đồng Nai	100,00	100,00	Sản xuất động cơ và máy nông nghiệp
11	Viện Công nghệ	Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ các lĩnh vực vật liệu, đúc, nhiệt luyện, cơ khí, tự động hóa.
12	Veam Korea Corporation	Hàn Quốc	89,00	89,00	Xuất khẩu các sản phẩm của Hàn Quốc sang thị trường Việt Nam
13	Công ty CP Cơ khí Vinh (ii)	Nghệ An	49,00	59,93	Sản xuất các cấu kiện kim loại
<b>Công ty liên kết</b>					
1	Công ty CP Nakycos	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00	49,00	Sản xuất, mua bán các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng
2	Công ty CP Cơ khí An Giang	An Giang	47,41	47,41	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
3	Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Thành phố Hà Nội	29,00	29,00	Xây dựng nhà ở và văn phòng làm việc; cung cấp dịch vụ công cộng cho khu đô thị, khu nhà ở và văn phòng
4	Công ty Honda Việt Nam	Vĩnh Phúc	30,00	30,00	Sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe máy, ô tô để bán và xuất khẩu
5	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Vĩnh Phúc	20,00	20,00	Lắp đặt và sản xuất các loại ô tô và phụ tùng ô tô và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa ô tô tại Việt Nam
6	Công ty CP Matexim Hải Phòng (iii)	Hải Phòng	19,46	21,23	Vận tải hành khách, bán buôn kim loại và quặng kim loại

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1.3 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**Ghi chú:**

- (i) Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ là công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 51,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 0,99%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ là 51,99%.
- (ii) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (là công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 55,00% quyền biểu quyết) là 10,93%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là 59,93%.
- (iii) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 51,99% quyền biểu quyết) là 1,77%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là 21,23%.

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG, KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo là Báo cáo tổng hợp của Văn phòng Tổng Công ty và 4 chi nhánh trực thuộc, các nghiệp vụ và sổ dư nội bộ giữa Văn phòng Tổng Công ty và 4 Chi nhánh trực thuộc đã được loại trừ khi lập Báo cáo này. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Tổng Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do khách hàng khó có khả năng thanh toán, lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 15
- Phương tiện vận tải	5 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 8

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO (TIẾP)**

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện phân bổ. Chi tiết quyền sử dụng các lô đất như sau:

<b>Địa điểm</b>	<b>Thời gian sử dụng</b>
Quyền sử dụng đất tại lô D, Khu D1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Hà Nội	50 năm
Quyền sử dụng đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất tại Khách sạn VEAM Cửa Lò	Lâu dài

***Tài sản cố định vô hình khác***

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm phần mềm máy tính và bản quyền Website của Tổng Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

**4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

***Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết:***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của khoản đầu tư được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ thời điểm ngày 24/01/2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập báo cáo tài chính, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại bên được đầu tư.

***Đầu tư vào công ty con:***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Công ty liên doanh, liên kết là công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

***Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác:*** là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn*** được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ thời điểm ngày 24/01/2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập báo cáo tài chính, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại bên được đầu tư.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, góp vốn vào đơn vị khác*** của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

***Các khoản hỗ trợ vốn:*** được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và thuê văn phòng, giá trị thương hiệu, và các khoản chi phí trả trước khác.

*Giá trị thương hiệu:* Được ghi nhận trên biên bản xác định doanh nghiệp của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

*Tiền thuê đất, thuê văn phòng:* Thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

*Các khoản chi phí trả trước khác:* Bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo trì tòa nhà và các chi phí nhỏ khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**4.9 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đầu tư các công trình xây dựng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**4.10 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**4.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu của Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần; Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**4.13 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4.13 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;*
- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

***Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn***

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng bán được kết chuyển phù hợp với doanh thu đã ghi nhận và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

***Chi phí tài chính***

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, lãi trả chậm tiền hàng, chênh lệch tỷ giá...

**4.14 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Trong đó:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4.15 THUẾ**

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% cho các mặt hàng và dịch vụ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ được Tổng Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tiền mặt	384.051.223	446.485.252
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	97.810.902.529	71.446.401.682
- Tiền đang chuyển	-	818.469.240
- Các khoản tương đương tiền	43.000.000.000	43.300.000.000
	<u>141.194.953.752</u>	<u>116.011.356.174</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền là các bên liên quan <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>	25.690.708.917	23.433.591.140



**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>360.162.284.391</b>	<b>(298.323.448.625)</b>	<b>354.586.269.255</b>	<b>(298.873.017.677)</b>
- Công ty CP Matexim Hải Phòng và các chi nhánh	94.719.347.985	(94.719.347.985)	95.421.179.437	(95.377.979.437)
- Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	68.767.500.000	(67.950.000.000)	70.617.500.000	(68.700.000.000)
- Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	69.906.729.321	(69.161.374.822)	70.729.376.541	(69.487.119.041)
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	22.801.531.196	(22.801.531.196)	22.861.531.196	(22.861.531.196)
- Chi nhánh Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ tại Đà Nẵng	13.205.936.501	(13.205.936.501)	13.205.936.501	(13.205.936.501)
- Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	7.905.935.500	(5.614.121.789)	13.469.772.376	(6.191.621.789)
- Các khách hàng khác	82.855.303.888	(24.871.136.332)	68.280.973.204	(23.048.829.713)
<b>Dài hạn</b>	-	-	<b>817.500.000</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>360.162.284.391</b>	<b>(298.323.448.625)</b>	<b>355.403.769.255</b>	<b>(298.873.017.677)</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>	<b>297.382.148.884</b>		<b>302.041.193.285</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>195.961.500.933</b>	<b>(50.353.879.039)</b>	<b>196.468.478.568</b>	<b>(50.687.792.229)</b>
- Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (*)	169.609.728.269	(34.583.879.039)	169.843.641.459	(34.817.792.229)
- Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng	9.406.950.000	-	9.406.950.000	-
- Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	9.000.000.000	(9.000.000.000)	9.000.000.000	(9.000.000.000)
- Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	6.700.000.000	(6.700.000.000)	6.800.000.000	(6.800.000.000)
- Các khách hàng khác	1.244.822.664	(70.000.000)	1.417.887.109	(70.000.000)
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>176.379.728.269</b>		<b>176.713.641.459</b>	
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>				

(\*): Bao gồm khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo hợp đồng số 16/2014/VEAM-Mekong Auto ký ngày 22/10/2014 số tiền 134.589.036.240 đồng và khoản ứng trước xe mẫu số tiền 436.812.990 đồng. Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ thanh toán trước toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo các chứng từ nhập khẩu để Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto lắp ráp và bán cho Tổng Công ty 1500 sản phẩm xe tải nhẹ nhãn hiệu Changan Model SC1022DB4N4. Đến thời điểm ngày 31/12/2021, Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và nhận được 239 xe lắp đặt hoàn chỉnh; khoản công nợ còn lại tương ứng với số linh kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đã nhập khẩu nhưng chưa bàn giao xe cho Tổng Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.260.179.873.147</b>	<b>(50.110.421.834)</b>	<b>4.077.231.166.030</b>	<b>(47.210.023.498)</b>
- Phải thu về Cổ tức, Lợi nhuận được chia	2.299.673.396.776	(24.335.759.500)	3.062.998.142.660	(24.335.759.500)
- Phải thu về lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	288.410.907.356	-	333.417.607.421	-
- Phải thu về hỗ trợ vốn (1)	532.332.446.679	-	541.850.446.679	-
- Phải thu về lãi hỗ trợ vốn (1)	74.571.904.729	-	74.112.623.203	-
- Tạm ứng nghiên cứu đề tài khoa học (2)	20.968.347.908	(20.968.347.908)	20.998.347.908	(18.027.178.167)
- Phải thu về cổ phần hóa (3)	10.164.296.365	-	10.164.296.365	-
- Người lao động tạm ứng	699.269.000	-	493.243.541	-
- Phải thu khác	33.359.304.334	(4.806.314.426)	33.196.458.253	(4.847.085.831)
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>2.942.294.053.250</b>		<b>3.714.758.241.658</b>	
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>				

- (1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu về hỗ trợ vốn với số tiền là 532.332.446.679 đồng (tại ngày 01/01/2021: 541.850.446.679 đồng) và các khoản phải thu về lãi hoạt động hỗ trợ vốn đối với các công ty con và công ty liên kết với số tiền là 74.571.904.729 đồng (tại ngày 01/01/2021: 74.112.623.203 đồng);
- (2) Các khoản phải thu Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp và Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo do tạm ứng đề tài nghiên cứu khoa học;
- (3) Các khoản phải thu về cổ phần hóa phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>301.401.698.312</b>	<b>3.078.249.687</b>	<b>307.985.138.850</b>	<b>9.112.121.173</b>
+ Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	68.767.500.000	817.500.000	70.617.500.000	1.917.500.000
+ Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	69.906.729.321	745.354.499	70.729.376.541	1.242.257.500
+ Công ty CP Matexim Hải Phòng và các chi nhánh	94.719.347.985	-	95.421.179.437	43.200.000
+ Công ty TNHH Son Machining Vina	634.634.554	444.244.188	1.938.969.782	1.685.517.798
+ Các đối tượng khác	67.373.486.452	1.071.151.000	69.278.113.090	4.223.645.875
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>185.379.728.269</b>	<b>135.025.849.230</b>	<b>185.713.641.459</b>	<b>135.025.849.230</b>
+ Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	169.609.728.269	135.025.849.230	169.843.641.459	135.025.849.230
+ Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
+ Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải Phòng tại Quảng Ninh	6.700.000.000	-	6.800.000.000	-
+ Công ty CP Nakycos	70.000.000	-	70.000.000	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>50.110.421.834</b>	<b>-</b>	<b>50.188.590.382</b>	<b>2.978.566.884</b>
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	8.388.468.804	-	8.418.468.804	2.525.540.641
+ Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	12.579.879.104	-	12.579.879.104	445.629.100
+ Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	22.266.600.000	-	22.266.600.000	-
+ Thuế TNCN chương trình "Khách hàng thân thiện"	3.791.830.000	-	3.791.830.000	-
+ Các đối tượng khác	3.083.643.926	-	3.131.812.474	7.397.143
<b>Cộng</b>	<b>536.891.848.415</b>	<b>138.104.098.917</b>	<b>543.887.370.691</b>	<b>147.116.537.287</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Hàng đang đi trên đường	1.180.461.454	-	17.175.859	-
- Nguyên liệu, vật liệu	90.737.015.329	(25.179.227.573)	94.764.333.188	(30.813.784.670)
- Công cụ, dụng cụ	39.939.431.803	(3.557.943.619)	40.587.866.804	(3.739.918.447)
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.892.831.151	-	23.287.557.701	-
- Thành phẩm	771.952.482.455	(280.251.594.189)	754.556.212.126	(307.734.876.552)
- Hàng hoá	170.483.964.615	(31.344.675.831)	175.938.084.558	(34.544.687.638)
- Hàng gửi đi bán	177.840.373.724	(59.841.242.096)	232.256.684.801	(86.488.462.052)
	<b>1.278.026.560.531</b>	<b>(400.174.683.308)</b>	<b>1.321.407.915.037</b>	<b>(463.321.729.359)</b>

Tại thời điểm 31/12/2021, Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 223.935.974 đồng trong tổng giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển là 99.885.938.816 đồng. Giá trị đã trích lập tại ngày 01/01/2021 là 720.443.191 đồng trong tổng số hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển là 112.752.983.232 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2021	592.844.443.229	737.377.080.482	34.567.795.024	5.616.165.571	1.850.800.000	1.372.256.284.306
- Mua trong năm	-	2.268.700.000	1.286.581.818	-	-	3.555.281.818
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.951.492.947)	-	-	(2.951.492.947)
31/12/2021	<u>592.844.443.229</u>	<u>739.645.780.482</u>	<u>32.902.883.895</u>	<u>5.616.165.571</u>	<u>1.850.800.000</u>	<u>1.372.860.073.177</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2021	255.308.088.052	483.358.718.040	27.960.089.125	5.141.813.394	1.850.800.000	773.619.508.611
- Khấu hao trong năm	25.414.558.975	57.793.270.275	3.070.203.778	146.994.045	-	86.425.027.073
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.951.492.947)	-	-	(2.951.492.947)
31/12/2021	<u>280.722.647.027</u>	<u>541.151.988.315</u>	<u>28.078.799.956</u>	<u>5.288.807.439</u>	<u>1.850.800.000</u>	<u>857.093.042.737</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2021	<u>337.536.355.177</u>	<u>254.018.362.442</u>	<u>6.607.705.899</u>	<u>474.352.177</u>	-	<u>598.636.775.695</u>
31/12/2021	<u>312.121.796.202</u>	<u>198.493.792.167</u>	<u>4.824.083.939</u>	<u>327.358.132</u>	-	<u>515.767.030.440</u>

Tại ngày 31/12/2021:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 81.595.377.078 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình hỏng tạm thời không sử dụng là 22.965.209.901 đồng (giá trị còn lại: 3.387.374.774 đồng), nguyên giá tài sản cố định hỏng đang sử dụng là 421.597.306 đồng (giá trị còn lại: 0 đồng), nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý: 85.601.818 đồng (giá trị còn lại: 0 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>				
01/01/2021	50.914.485.243	1.571.301.023	84.500.000	52.570.286.266
31/12/2021	<u>50.914.485.243</u>	<u>1.571.301.023</u>	<u>84.500.000</u>	<u>52.570.286.266</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
01/01/2021	1.713.741.132	1.067.568.381	69.898.446	2.851.207.959
- Khấu hao trong năm	181.067.856	246.283.176	6.333.192	433.684.224
31/12/2021	<u>1.894.808.988</u>	<u>1.313.851.557</u>	<u>76.231.638</u>	<u>3.284.892.183</u>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>				
01/01/2021	<u>49.200.744.111</u>	<u>503.732.642</u>	<u>14.601.554</u>	<u>49.719.078.307</u>
31/12/2021	<u>49.019.676.255</u>	<u>257.449.466</u>	<u>8.268.362</u>	<u>49.285.394.083</u>

Tại ngày 31/12/2021:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.400.000 đồng
- Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng lô đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 10.262.436.326 đồng đang trong quá trình làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.290.705.121</b>	<b>1.457.787.106</b>
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	712.190.474	499.234.441
- Các khoản bảo hiểm và lệ phí	349.093.180	368.534.092
- Các khoản khác	229.421.467	590.018.573
<b>Dài hạn</b>	<b>44.422.440.364</b>	<b>47.062.171.340</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.720.368.534	2.538.612.284
- Tiền thuê đất, thuê văn phòng	19.688.085.913	23.001.293.915
- Chi phí thương hiệu (*)	15.700.218.183	18.844.213.886
- Các khoản khác	4.313.767.734	2.678.051.255
<b>Cộng</b>	<b>45.713.145.485</b>	<b>48.519.958.446</b>

(\*): Giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp và được phân bổ trong 10 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**14. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>57.148.671.429</b>	<b>58.334.498.702</b>
- Nhà tập thể nhà máy ô tô VEAM	159.363.000	159.363.000
- Dự án “Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung” (*)	56.529.995.370	56.529.995.370
- Mua sắm tài sản cố định	-	1.266.581.818
- Sửa chữa, cải tạo và đầu tư bổ sung khách sạn Veam	304.977.273	304.977.273
- Tài sản dở dang dài hạn khác	154.335.786	73.581.241
	<b>57.148.671.429</b>	<b>58.334.498.702</b>

(\*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung thể hiện phí bản quyền chuyển giao công nghệ theo Hợp đồng số 02/VEAM-ISEKI/2016 ký ngày 5/7/2016 với ISEKI & CO., LTD với số tiền là 56.529.995.370 đồng cho Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung tại Bim Son. Tổng Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo Công văn số 24/GCN-BKHCN tại ngày 02/8/2016. Theo Nghị quyết số 58/NQ-HDQT ngày 26/6/2020 của Hội đồng Quản trị đã quyết định giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thử hợp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng Công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất.

**15. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Hàng tồn kho (*)	9.786.248.490	10.110.263.771
- Tài sản cố định (*)	597.281.949	597.281.949
	<b>10.383.530.439</b>	<b>10.707.545.720</b>

(\*) Giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định thiếu phát hiện trong quá trình kiểm kê theo biên bản kiểm kê ngày 23/01/2017 (ngày bàn giao từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang Công ty Cổ phần) và tài sản thiếu theo biên bản kiểm kê tại thời điểm 31/12/2020 và 31/12/2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02/03/2021; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2022 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp về Công tác kiểm kê năm 2021 số 01/BB-VM ngày 10/01/2022 của Nhà máy ô tô Veam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**16.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	11.166.763.990.944	11.166.763.990.944	12.532.939.564.088	12.532.939.564.088
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>11.166.763.990.944</i>	<i>11.166.763.990.944</i>	<i>12.532.939.564.088</i>	<i>12.532.939.564.088</i>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	4.592.000.000.000	4.592.000.000.000	4.689.000.000.000	4.689.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.466.000.000.000	2.466.000.000.000	1.035.000.000.000	1.035.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.368.000.000.000	2.368.000.000.000	5.667.000.000.000	5.667.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ba Đình	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
- Ngân hàng TMCP TMCP Đông Nam Á	1.663.000.000.000	1.663.000.000.000	895.000.000.000	895.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - CN Bình Phước	77.763.990.944	77.763.990.944	84.060.180.531	84.060.180.531
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Quận 4	-	-	62.879.383.557	62.879.383.557
<b>Tiền gửi có kỳ hạn là bên liên quan</b>	<b>1.663.000.000.000</b>	<b>1.663.000.000.000</b>	<b>895.000.000.000</b>	<b>895.000.000.000</b>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc (*) VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>3.374.218.682.885</b>	<b>(233.689.910.098)</b>	<b>3.509.918.682.885</b>	<b>(232.196.148.823)</b>
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>2.656.119.550.877</b>	<b>(223.139.211.447)</b>	<b>2.791.819.550.877</b>	<b>(221.645.450.172)</b>
+ Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	50.015.670.456	-	50.015.670.456	-
+ Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	22.810.192.474	-	22.810.192.474	-
+ Công ty CP Cơ khí cổ Loa	295.794.759	-	295.794.759	-
+ Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	-	-	-	-
+ Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	127.576.996.194	-	127.576.996.194	-
+ Công ty CP Phụ tùng máy số 1	60.825.843.242	-	60.825.843.242	-
+ Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	95.960.790.920	(95.960.790.920)	95.960.790.920	(95.960.790.920)
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	284.301.038.861	(56.355.964.965)	420.001.038.861	(39.265.544.031)
+ Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	1.489.915.335.079	-	1.489.915.335.079	-
+ Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	347.000.000.000	(54.788.847.432)	347.000.000.000	(71.226.496.780)
+ Viện Công nghệ	160.145.083.264	(15.273.799.342)	160.145.083.264	(14.432.809.653)
+ Veam Korea Corporation	16.512.996.840	-	16.512.996.840	-
+ Công ty CP Cơ khí Vinh	759.808.788	(759.808.788)	759.808.788	(759.808.788)
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>707.098.071.180</b>	<b>(10.550.698.651)</b>	<b>707.098.071.180</b>	<b>(10.550.698.651)</b>
+ Công ty CP Nakycos	10.550.698.651	(10.550.698.651)	10.550.698.651	(10.550.698.651)
+ Công ty CP Cơ khí An Giang	23.823.075.776	-	23.823.075.776	-
+ Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ (**)	9.467.051.066	-	9.467.051.066	-
+ Công ty Honda Việt Nam	359.311.428.087	-	359.311.428.087	-
+ Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	287.776.054.812	-	287.776.054.812	-
+ Công ty CP Matexim Hải Phòng	16.169.762.788	-	16.169.762.788	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>11.001.060.828</b>	<b>-</b>	<b>11.001.060.828</b>	<b>-</b>
+ Công ty CP Kumba	11.001.060.828	-	11.001.060.828	-
+ Công ty TNHH Mekong Auto	-	-	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**16.3 THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Thông tin bổ sung về các khoản đầu tư của Tổng Công ty:**

- (\*): Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (\*\*): Tổng Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ bằng quyền sử dụng đất tại Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022083. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại 5 tầng văn phòng và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**16.3 THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên doanh liên kết trong năm 2021 như sau:

Tình hình hoạt động của các công ty con	Kết quả hoạt động kinh doanh	
	Năm 2021	Năm 2020
Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	Lãi	Lãi
Công ty CP Cơ khí Phố Yên	Lãi	Lãi
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Lãi	Lỗ
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Lãi	Lãi
Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	Lãi	Lỗ
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Lãi	Lãi
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Lỗ	Lỗ
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Lỗ	Lỗ
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Lãi	Lãi
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Lãi	Lãi
Viện Công nghệ	Lỗ	Lỗ
Veam Korea Corporation	Lỗ	Lỗ
Công ty CP Cơ khí Vinh	Lỗ	Lỗ
<b>Tình hình hoạt động của công ty liên kết</b>		
Công ty CP Nakycos	Lỗ	Lỗ
Công ty CP Cơ khí An Giang	Lãi	Lãi
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Lãi	Lãi
Công ty Honda Việt Nam	Lãi	Lãi
Công ty ô tô Toyota Việt Nam	Lãi	Lãi
Công ty CP Matexim Hải Phòng	Lỗ	Lãi

**Tình hình hoạt động của các công ty đầu tư khác**

Công ty CP Kumba (\*)

Công ty TNHH Mekong Auto (\*)

(\*) Tại ngày phát hành Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Kumba, Công ty TNHH Mekong Auto cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.957.837.400</b>	<b>20.957.837.400</b>	<b>14.221.143.005</b>	<b>14.221.143.005</b>
- Công ty CP Sản xuất kinh doanh Vật tư Thiết bị Công nghiệp	112.893.000	112.893.000	2.975.778.300	2.975.778.300
- Công ty sắt Cao Bằng (Công ty Đức 1)	637.516.891	637.516.891	637.516.891	637.516.891
- Công ty TNHH Đầu tư Carbon Việt Nam	2.868.230.200	2.868.230.200	1.495.829.500	1.495.829.500
- Công ty CP Công nghiệp cao su Miền Nam	1.725.911.510	1.725.911.510	-	-
- Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam (Hà Nội)	824.317.641	824.317.641	-	-
- Cty TNHH Thương mại Lộc Xuân	1.559.615.391	1.559.615.391	-	-
- Công ty CP Thương mại đầu tư Vân Long CDC	1.829.575.000	1.829.575.000	-	-
- Các đối tượng khác	11.399.777.767	11.399.777.767	9.112.018.314	9.112.018.314
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>69.643.575</b>	<b>69.643.575</b>	<b>660.202.487</b>	<b>660.202.487</b>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>42.965.376.673</b>	<b>175.960.736.270</b>	<b>191.117.271.605</b>	<b>27.808.841.338</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.678.892.023	21.611.238.768	23.100.216.365	189.914.426
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập	-	16.727.574.281	16.727.574.281	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.830.309.817	5.830.309.817	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.672.892.802	112.695.720.978	125.087.098.258	22.281.515.522
- Thuế thu nhập cá nhân	1.898.491.422	18.458.684.058	19.730.169.888	627.005.592
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	8.038.628	484.308.968	492.347.596	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.707.061.798	66.051.400	62.707.400	4.710.405.798
- Các loại thuế khác	-	86.848.000	86.848.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>120.259.971</b>	<b>85.948.886</b>	<b>203.593.417</b>	<b>237.904.502</b>
- Thuế thu nhập cá nhân	120.259.971	85.948.886	203.593.417	237.904.502

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.697.150.914</b>	<b>16.272.669.712</b>
- Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm	63.242.907	46.303.753
- Trích trước chi phí vận chuyển	9.785.496.579	9.785.496.579
- Các khoản trích trước khác	5.848.411.428	6.440.869.380

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>44.110.290.585</b>	<b>1.123.538.940.125</b>
- Kinh phí công đoàn	642.460.292	794.873.556
- Bảo hiểm xã hội	56.601.248	36.783.240
- Bảo hiểm y tế	-	6.491.160
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.884.960
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.264.081.537	805.712.322.683
- Lợi nhuận tạm nộp của công ty con	-	268.739.091.773
- Tài sản thừa chờ giải quyết	22.332.807.448	23.837.393.693
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.428.018.124	3.343.237.431
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.386.321.936	21.065.861.629
<b>Dài hạn</b>	<b>600.000.000</b>	<b>-</b>
- Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	600.000.000	-
	<b>44.710.290.585</b>	<b>1.123.538.940.125</b>

**21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.730.186.993</b>	<b>6.129.453.350</b>
- Công ty CP Cơ điện Việt Nam	945.560.441	945.560.441
- Công ty TNHH MTV Ô tô HUAN TAO	1.464.331.174	1.464.331.174
- Công ty Stolz Co., LTD	347.124.900	355.927.275
- Công ty CP Cơ khí An Giang	-	3.004.806
- Các đối tượng khác	3.973.170.478	3.360.629.654
<b>Người mua trả tiền trước là bên liên quan</b>	<b>72.505.619</b>	<b>3.004.806</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số 36)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.825.319.200	6.252.334.567
- Dự phòng tiền lương	2.200.000.000	3.180.000.000
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	244.771.018	330.439.204
- Dự phòng phải trả khác	380.548.182	2.741.895.363

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
+ Bộ Công Thương	11.755.829.660.000	11.755.829.660.000
+ Các đối tượng khác	1.532.170.340.000	1.532.170.340.000
	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>13.288.000.000.000</b>

**23.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	13.288.000.000.000	13.288.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**23.3 CỔ PHIẾU**

	31/12/2021	01/01/2021
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	1.328.800.000	1.328.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.328.800.000	1.328.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.328.800.000</i>	<i>1.328.800.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.328.800.000	1.328.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.328.800.000</i>	<i>1.328.800.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

**23.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>01/01/2020</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>7.043.449.802.997</b>	<b>20.331.449.802.997</b>
- Lãi năm trước	-	7.302.631.278.503	7.302.631.278.503
- Trích các Quỹ		(78.804.892.982)	(78.804.892.982)
- Chia cổ tức	-	(6.980.053.520.000)	(6.980.053.520.000)
<b>31/12/2020</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>7.287.222.668.518</b>	<b>20.575.222.668.518</b>
<b>01/01/2021</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>7.287.222.668.518</b>	<b>20.575.222.668.518</b>
- Lãi trong năm	-	6.017.791.196.725	6.017.791.196.725
- Chia cổ tức (*)	-	(7.245.547.760.000)	(7.245.547.760.000)
- Trích các quỹ (*)	-	(51.275.300.447)	(51.275.300.447)
<b>31/12/2021</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>6.008.190.804.796</b>	<b>19.296.190.804.796</b>

(\*) Bao gồm:

Phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng Công ty thông qua Tờ trình số 456/TTr-HĐQT ngày 24/6/2021 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty; Nghị quyết số 109/NQ-HĐQT ngày 28/09/2021 của Hội đồng Quản trị về việc chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại năm 2020 của VEAM thông qua Tờ trình số 79/TTr-TGD ngày 21/09/2021 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trong đó:

- Chia cổ tức năm 2020 là 7.245.547.760.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 40.702.385.733 đồng
- Trích quỹ thưởng người quản lý là 898.530.808 đồng

Và tạm trích quỹ thưởng người Quản lý, Quỹ phúc lợi năm 2021 theo Nghị quyết số 135/NQ-HĐQT ngày 13/12/2021 của Hội đồng Quản trị. Trong đó:

- Quỹ phúc lợi là 9.241.308.333 đồng
- Quỹ thưởng người quản lý là 433.075.573 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2021	01/01/2021
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	645.725,07	557.252,49

**25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>596.175.931.903</b>	<b>443.695.386.821</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	119.463.728.798	25.994.384.915
- Doanh thu bán thành phẩm	447.780.132.020	395.105.138.680
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.583.673.285	22.458.054.989
- Doanh thu khác	348.397.800	137.808.237
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại thuyết minh số 36)</i>	<b>121.405.608.027</b>	<b>28.092.312.584</b>

**26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>354.454.545</b>	<b>7.473.182</b>
- Hàng bán bị trả lại	354.454.545	7.473.182

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Giá vốn bán hàng hóa	111.677.151.902	23.925.677.252
- Giá vốn thành phẩm	378.977.166.235	332.484.306.877
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.963.368.839	12.963.750.348
- Các khoản chi phí vượt định mức	47.859.520.676	56.709.600.341
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	248.122.877.671
- Giá vốn khác	1.405.077.203	-
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(63.140.437.051)	-
	<b>490.741.847.804</b>	<b>674.206.212.489</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.534.935.189.418	6.990.928.113.268
- Lãi tiền hỗ trợ vốn	630.010.294	828.153.491
- Lãi tiền gửi ngân hàng	672.314.835.106	928.663.438.031
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	691.258.916	2.681.729
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	999.409.789
	<b>6.208.571.293.734</b>	<b>7.921.421.796.308</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Dự phòng giảm giá tồn thất đầu tư	1.493.761.275	2.714.545.916
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	70.203.754	92.672.818
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	483.930.046	-
	<b>2.047.895.075</b>	<b>2.807.218.734</b>

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>155.041.089.706</b>	<b>208.182.533.341</b>
- Chi phí nguyên vật liệu	632.918.150	-
- Chi phí nhân viên quản lý	92.213.213.324	96.119.421.010
- Khấu hao tài sản cố định	14.994.669.537	17.015.512.596
- Dụng cụ đồ dùng văn phòng	5.142.028.494	-
- Chi phí dự phòng	4.216.916.094	57.989.386.467
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.035.175.049	6.206.074.076
- Chi phí khác bằng tiền	26.806.169.058	30.852.139.192
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>17.624.539.508</b>	<b>10.970.310.027</b>
- Chi phí nhân viên	6.433.666.265	6.749.916.471
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.030.923.960	1.013.081.030
- Chi phí khấu hao TSCĐ	575.712.769	603.958.940
- Chi phí bảo hành	262.233.670	570.459.313
- Hoàn nhập chi phí bảo hành	(2.421.009.237)	(7.313.717.883)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.324.873.215	6.239.507.303
- Chi phí bằng tiền khác	4.361.114.417	3.107.104.853
- Chi phí dụng cụ văn phòng	57.024.449	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**31. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Thanh lý tài sản cố định	927.272.727	-
- Thu tiền đền bù, bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng	564.267.099	519.217.869
- Các khoản khác	971.859.991	1.119.943.352
	<b>2.463.399.817</b>	<b>1.639.161.221</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Các khoản bị phạt thuế, vi phạm hành chính	50.075.224	224.641.312
- Khấu hao TSCĐ không phục vụ SXKD	9.767.122.692	9.767.122.692
- Các khoản chi phí khác	1.096.683.197	280.652.217
	<b>10.913.881.113</b>	<b>10.272.416.221</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>6.130.486.917.703</b>	<b>7.460.310.180.356</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(5.517.408.056.918)</b>	<b>(6.664.995.079.483)</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5.534.935.189.418)	(6.990.928.113.268)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(5.534.935.189.418)	(6.990.928.113.268)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	17.527.132.500	32.095.949.996
Loại trừ Lỗ của Nhà máy ô tô VEAM (Chi nhánh hạch toán độc lập từ năm 2020)	-	293.837.083.789
Số lỗ được chuyển của Nhà máy Ô tô VEAM trong năm tính thuế	49.600.255.897	-
<b>Thu nhập chịu thuế hiện hành</b>	<b>563.478.604.888</b>	<b>795.315.100.873</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	112.695.720.978	159.063.020.175
Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Nhà máy đúc theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	-	(1.384.118.321)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>112.695.720.978</b>	<b>157.678.901.853</b>
Trong đó:		
+ Thuế TNDN văn phòng và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	109.229.983.233	154.449.292.435
+ Thuế TNDN Nhà máy đúc VEAM (Chi nhánh hạch toán độc lập từ năm 2020)	3.465.737.745	3.229.609.418

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	267.549.642.270	154.852.708.164
- Chi phí nhân công	138.043.212.743	140.456.084.712
- Khấu hao tài sản cố định	86.858.711.297	90.402.434.115
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.462.714.503	39.244.346.282
- Chi phí bằng tiền khác	49.027.761.389	39.390.919.667
- Chi phí dự phòng	(60.827.293.395)	293.895.576.247
	<u>524.114.748.807</u>	<u>758.242.069.187</u>

**35. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định rằng, Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**36. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

**36.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Bán hàng cho bên liên quan</b>	<b>121.405.608.027</b>	<b>28.092.312.584</b>
- Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Công ty con 15.687.757.449	21.892.532.793
- Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Công ty con 281.272.116	174.985.725
- Công ty CP Cơ khí Phở Yên	Công ty con 28.399.838.863	-
- Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Công ty con 73.819.979.676	2.832.770.400
- Công ty TNHH Máy kéo và Máy nông nghiệp	Công ty con 34.312.730	837.993.065
- Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con 2.830.748.950	523.947.600
- Công ty CP Cơ khí An Giang	Công ty liên kết 274.318.456	216.501.852
- Công ty TNHH Mekong Auto và các Chi nhánh	Đầu tư khác -	1.563.390.900
- Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	Công ty liên kết 77.379.787	50.190.249
<b>Mua hàng</b>	<b>3.810.020.162</b>	<b>8.674.023.031</b>
- Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Công ty con 1.097.159.438	910.731.281
- Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Công ty con 101.478.400	20.000.000
- Công ty TNHH Máy kéo và Máy nông nghiệp	Công ty con 386.356.486	5.012.648.710
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Công ty con -	161.079.110
- Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Công ty liên kết 1.988.177.909	2.282.752.997
- Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	Công ty liên kết -	13.817.561
- Công ty TNHH Mekong Auto và các Chi nhánh	Đầu tư khác 218.272.729	262.630.172
- Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Công ty con 18.575.200	10.363.200
<b>Cổ tức lợi nhuận được chia</b>	<b>5.534.935.189.418</b>	<b>6.990.928.113.268</b>
- Công ty Honda Việt Nam	Công ty liên kết 4.549.772.854.552	6.077.324.766.318
- Công ty Toyota Việt Nam	Công ty liên kết 676.399.912.336	876.209.292.116
- Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con 280.166.706.030	10.552.180.334
- Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	Công ty con 734.400.000	1.958.400.000
- Công ty CP Cơ khí Phở Yên	Công ty con 9.435.000.000	6.604.500.000
- Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Công ty con 13.628.716.500	13.628.716.500
- Công ty CP Cơ khí An Giang	Công ty liên kết 3.895.180.000	3.116.144.000
- Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Công ty liên kết 902.420.000	1.534.114.000
<b>Lãi hỗ trợ vốn</b>	<b>630.010.294</b>	<b>828.153.491</b>
- Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Công ty con 100.136.075	124.758.541
- Công ty CP Cơ khí Vinh	Công ty con 304.989.779	365.024.487
- Công ty CP Cơ khí An Giang	Công ty liên kết 170.728.768	273.554.696
- Công ty CP Nakycó	Công ty liên kết 54.155.672	64.815.767

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**36.2 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</b>		<b>25.690.708.917</b>	<b>23.433.591.140</b>
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Cùng thành viên HDQT	25.690.708.917	23.433.591.140
<b>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn</b>		<b>1.663.000.000.000</b>	<b>895.000.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Cùng thành viên HDQT	1.663.000.000.000	895.000.000.000
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>297.382.148.884</b>	<b>302.041.193.285</b>
- Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	Công ty con	7.905.935.500	13.469.772.376
- Công ty CP Nakycos	Công ty liên kết	2.210.499.976	2.210.499.976
- Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Công ty con	68.767.500.000	70.617.500.000
- Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	Công ty con	69.906.729.321	70.729.376.541
- Chi nhánh Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ tại Đà Nẵng	Công ty con	13.205.936.501	13.205.936.501
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Công ty con	22.801.531.196	22.861.531.196
- Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Công ty con	-	3.116.047.440
- Công ty CP Cơ khí Phở Yên	Công ty con	8.849.160.947	-
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	Công ty con	875.920.500	875.920.500
- Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con	-	576.342.360
- Công ty CP Cơ khí Vinh	Công ty con	5.967.364.958	5.967.364.958
- Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	Đầu tư khác	2.172.222.000	2.172.222.000
- Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	Công ty liên kết	94.719.347.985	95.421.179.437
- Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Công ty con	-	817.500.000
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>176.379.728.269</b>	<b>176.713.641.459</b>
- Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	Công ty liên kết	6.700.000.000	6.800.000.000
- Công ty CP NAKYKO	Công ty liên kết	70.000.000	70.000.000
- Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	Đầu tư khác	169.609.728.269	169.843.641.459
<b>Phải trả người bán</b>		<b>69.643.575</b>	<b>660.202.487</b>
- Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	Đầu tư khác	-	233.913.190
- Công ty TNHH Máy kéo và Máy nông nghiệp	Công ty con	-	257.572.121
- Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Công ty con	1.953.600	-
- Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Công ty liên kết	67.689.975	168.717.176
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>72.505.619</b>	<b>3.004.806</b>
- Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Công ty con	71.052.850	-
- Công ty CP Cơ khí An Giang	Công ty liên kết	1.452.769	3.004.806



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**36.2 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu khác</b>		<b>2.942.294.053.250</b>	<b>3.714.758.241.658</b>
<i>Phải thu về Cổ tức, Lợi nhuận được chia</i>		<i>2.299.673.396.776</i>	<i>3.062.998.142.660</i>
- Công ty CP Matexim Hải Phòng	Công ty liên kết	1.868.256.000	1.868.256.000
- Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Công ty con	22.266.600.000	22.266.600.000
- Công ty CP NAKYCO	Công ty liên kết	200.903.500	200.903.500
- Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Công ty liên kết	451.210.000	-
- Công ty Honda Việt Nam	Công ty liên kết	2.274.886.427.276	3.038.662.383.160
 		<b>532.332.446.679</b>	<b>541.850.446.679</b>
<i>Phải thu về hỗ trợ vốn</i>			
- Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Công ty con	2.600.000.000	2.928.000.000
- Công ty CP Vận tải & Thương mại VEAM	Công ty con	131.400.000.000	137.150.000.000
- Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Công ty con	274.207.837.417	274.347.837.417
- Công ty CP Matexim Hải Phòng	Công ty liên kết	84.000.000.000	84.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	Công ty con	27.148.346.742	27.448.346.742
- Công ty CP Cơ khí Vinh	Công ty con	8.471.938.310	8.471.938.310
- Công ty CP NAKYCO	Công ty liên kết	1.504.324.210	1.504.324.210
- Công ty CP Cơ khí An Giang	Công ty liên kết	3.000.000.000	6.000.000.000
 		<b>74.571.904.729</b>	<b>74.112.623.203</b>
<i>Phải thu về lãi hỗ trợ vốn</i>			
- Công ty CP Matexim Hải Phòng	Công ty liên kết	32.887.947.904	32.887.947.904
- Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Công ty con	30.929.912.783	30.929.912.783
- Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Công ty con	3.511.092.781	3.511.092.781
- Công ty CP Cơ khí Vinh	Công ty con	3.794.665.702	3.489.675.923
- Công ty CP NAKYCO	Công ty liên kết	1.203.699.256	1.149.543.584
- Công ty CP CK Cổ Loa	Công ty con	2.244.586.303	2.144.450.228
 		<b>20.968.347.908</b>	<b>20.998.347.908</b>
<i>Tạm ứng nghiên cứu đề tài khoa học</i>			
- Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	Công ty con	12.579.879.104	12.579.879.104
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Công ty con	8.388.468.804	8.418.468.804
 		<b>14.747.957.158</b>	<b>14.798.681.208</b>
<i>Phải thu khác</i>			
- Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Công ty con	13.733.472.732	13.733.472.732
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	Công ty con	37.104.104	37.104.104
- Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	Công ty liên kết	977.380.322	1.028.104.372

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**36.3 THU NHẬP BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC**

Thù lao, tiền lương của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

		Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Tổng cộng</b>		<b>11.858.945.009</b>	<b>13.750.576.677</b>
- Ông Nguyễn Khắc Hải	Chủ tịch HĐQT	2.038.651.650	1.441.591.034
- Ông Phan Phạm Hà	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.038.651.650	1.047.776.400
- Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên HĐQT	285.411.240	289.330.196
- Ông Nguyễn Tiến Vỵ	Thành viên độc lập	285.411.240	289.330.196
- Ông Phan Kim Khoa	Thành viên độc lập	285.411.240	146.687.196
- Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.573.411.171	1.324.762.630
- Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc	189.554.634	1.182.878.727
- Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	185.155.938	1.182.878.727
- Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc	1.449.572.488	1.182.878.727
- Ông Bùi Quang Chuyện	Chủ tịch HĐQT (năm 2020)	-	1.024.096.000
- Ông Ngô Văn Tuyển	Thành viên HĐQT	-	905.571.000
- Ông Vũ Quang Tâm	Thành viên HĐQT	-	240.171.000
- Ông Lê Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	-	143.371.000
- Ông Văn Đình Quân	Kế toán trưởng	1.203.650.868	993.233.248
- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát		2.324.062.890	2.356.020.596

**37. THÔNG TIN KHÁC**

**Quyết toán cổ phần hóa**

Báo cáo tài chính riêng được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Đồng thời, các lô đất thuê trong toàn Tổng Công ty đang được rà soát để ký lại các hợp đồng thuê đất khi Tổng Công ty chuyển từ công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần với các cơ quan có thẩm quyền.

**38. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Tổng Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022



Đặng Quân  
Người lập biểu



Văn Đình Quân  
Kế toán trưởng



Phan Phạm Hà  
Tổng Giám đốc

PHAN PHẠM HÀ